

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6889**/TCHQ-GSQL

Hà Nội, ngày **23** tháng **11** năm 2018

V/v kiểm tra và chấn chỉnh việc khai
thông tin Emanifest

Kính gửi:

- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Các Hãng tàu/Đại lý hãng tàu/Công ty giao nhận.

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, Thông tư số 50/2018/TT-BTC ngày 23/5/2018 quy định chỉ tiêu thông tin, mẫu chứng từ khai báo khi làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh đối với phương tiện đường hàng không, đường biển, đường sắt, đường bộ và đường sông theo quy định tại Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ, qua rà soát dữ liệu khai báo tại Hệ thống tiếp nhận thông tin Emanifest thì thấy các Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận khai báo một số chỉ tiêu thông tin chưa thống nhất, chưa đúng định dạng, việc này gây khó khăn cho người khai hải quan (chủ hàng hóa nhập khẩu) trong việc khai tờ khai hải quan và nhận hàng tại cảng, kho, bãi cũng như công tác quản lý của cơ quan hải quan. Đặc biệt, trong thời gian qua, khi khai báo, làm thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh vận chuyển phế liệu, các Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận khai không chính xác tên hàng hoặc khai thiếu thông tin đối với trường hợp hàng hóa vận chuyển trên tàu là phế liệu dẫn đến cơ quan hải quan gặp khó khăn trong việc quản lý, theo dõi, giám sát hàng hóa nhập khẩu là phế liệu.

Ngày 17/9/2018, Thủ tướng Chính phủ có chỉ đạo tại Chỉ thị số 27/CT-TTg về giải pháp cấp bách tăng cường công tác quản lý cấp bách công tác quản lý đối với hoạt động nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất. Trên cơ sở đó, để đảm bảo việc khai báo, làm thủ tục hải quan của chủ hàng hóa nhập khẩu và việc quản lý, giám sát của cơ quan hải quan, Tổng cục Hải quan yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố kiểm tra và hướng dẫn các Hãng tàu/Đại lý hãng tàu/Công ty giao nhận khai báo thông tin về phương tiện vận tải và hàng hóa xuất nhập khẩu trên Hệ thống E-manifest như sau:

1. Khai báo tên người nhận hàng hoặc tên người được thông báo:

1.1. Về thứ tự khai báo: Khai phải đầy đủ các thông tin cụ thể về doanh nghiệp theo thứ tự như sau: Mã số thuế#Tên doanh nghiệp#Địa chỉ.

Riêng đối với hàng hóa nhập khẩu là phế liệu: Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, người khai hải quan phải khai số Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất (gọi tắt là Giấy xác nhận về bảo vệ môi trường), số của



Giấy xác nhận ký quỹ theo thứ tự bắt buộc như sau: Mã số thuế#Số Giấy xác nhận về bảo vệ môi trường#Số Giấy xác nhận ký quỹ#Tên doanh nghiệp#Địa chỉ.

1.2. Khai báo giữa các thông tin có ngăn cách là dấu thăng "#", trong đó các tiêu chí liên quan đến doanh nghiệp khai báo như sau:

a) Đối với thông tin "Người nhận hàng":

a.1. Mã số thuế:

Mã số thuế gồm dãy các chữ số liền mạch, không gồm ký tự đặc biệt (như khoảng trống, .,-)^(=!"%&*; <>@&|?:+'`~...).

a.2. Giấy xác nhận về bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường còn hiệu lực. Số của Giấy xác nhận về bảo vệ môi trường gồm dãy các ký tự liền mạch, không ít hơn 10 ký tự, không gồm ký tự đặc biệt.

a.3. Số Giấy xác nhận ký quỹ:

Giấy xác nhận ký quỹ do Ngân hàng hoặc Tổ chức có chức năng xác nhận ký quỹ cho doanh nghiệp. Số Giấy xác nhận ký quỹ gồm dãy các ký tự liền mạch, không gồm ký tự đặc biệt.

a.4. Tên doanh nghiệp là tên của doanh nghiệp đứng tên người nhập khẩu theo mã số thuế tương ứng.

Riêng đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu là phế liệu thì tên doanh nghiệp phải tương ứng mã số thuế và tương ứng với tên doanh nghiệp trên Giấy xác nhận về bảo vệ môi trường, Giấy xác nhận ký quỹ đã khai báo.

a.5. Đối với các thông tin như số điện thoại, email hoặc các thông tin khác của doanh nghiệp thì thực hiện khai nối tiếp sau các thông tin nêu trên và ngăn cách giữa các thông tin là dấu thăng "#".

1.3. Ví dụ:

- VD1: 3500813231#48/GXN-BTNMT#44/VCB-IKI#Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn#Địa chỉ Khu công nghiệp Mỹ Xuân A, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

-VD2:5700557606#04/GXN-BTNMT#15/XN-BIDVĐHN#POLYESTER FIBER VIETNAM CO., LTD#CAILAN INDUSTRIAL ZONE HALONG CITY QUANGNINH.

b) Đối với thông tin "Người được thông báo":

Nếu thông tin tại tiêu chí "Người nhận hàng" khai báo là "To order" hoặc "To order of..." thì tại tiêu chí thông tin "Người được thông báo" phải khai chi tiết theo hướng dẫn tương tự tiêu chí thông tin "Người nhận hàng" hướng dẫn tại điểm 1.1 và tiết a điểm 1.2 nêu trên.

2. Khai báo mã số HS:

Mã số HS phải khai báo riêng tại tiêu chí “Mã hàng/ HS code” của Bản khai hàng hóa và vận đơn gom hàng, mã số HS gồm dãy các chữ số liền mạch, không ít hơn 4 chữ số, không gồm ký tự đặc biệt. Người khai hải quan không khai chung mã số HS với thông tin tên hàng, mô tả hàng hóa tại tiêu chí “Tên hàng, mô tả hàng hóa”.

Riêng đối với hàng hóa nhập khẩu là phế liệu: Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì mã số HS là tiêu chí bắt buộc phải khai và tương ứng với tên phế liệu thuộc danh mục ban hành kèm Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ. Người khai hải quan phải khai mã số HS gồm 8 chữ số theo hướng dẫn tại Phụ lục ban hành kèm theo công văn này.

3. Tên hàng, mô tả hàng hóa:

Hiện nay, các Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận khai báo tên hàng, mô tả hàng hóa có nội dung quá dài nhưng nội dung khai báo bao gồm các nội dung không cần thiết, khai báo chung chung, gây khó khăn trong việc tiếp nhận, phân tích thông tin của cơ quan hải quan. Tổng cục Hải quan yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố hướng dẫn người khai hải quan thực hiện như sau:

3.1. Tên hàng, mô tả hàng hóa:

a) Về thứ tự khai báo: Tên hàng, mô tả hàng hóa phải ngắn gọn và khai báo theo thứ tự bắt buộc như sau: Tên hàng#Mô tả hàng hóa.

b) Khai báo giữa các thông tin có ngăn cách là dấu thăng “#”, trong đó các tiêu chí liên quan đến hàng hóa khai báo như sau:

b.1. Tên hàng:

Tên hàng khai trên Hệ thống Emanifest là sử dụng tên hàng theo Danh mục HS tương ứng.

Riêng đối với hàng hóa là phế liệu thuộc danh mục ban hành kèm Quyết định số 73/2014/QĐ-TTg ngày 19/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì người khai hải quan phải khai đúng tên hàng trên hệ thống Emanifest theo tên hàng hướng dẫn tại cột số 6 hoặc cột số 7 Phụ lục ban hành kèm theo công văn này.

b.4. Mô tả hàng hóa:

Mô tả hàng hóa không khai các nội dung không cần thiết, không liên quan đến thông tin của hàng hóa. Nội dung mô tả hàng hóa ngắn gọn gồm các nội dung mô tả về tính chất hàng hóa, quy cách đóng gói, số kiện, trọng lượng...

3.2. Ví dụ:

VD1: Giấy phế liệu#20 BAG(S)

VD2: PLASTIC WASTE#44 PKG#176 PACKAGE

4. Khai báo mã cảng, tên cảng:

a) Tại bản khai chung:

Tại tiêu chí “Đặc điểm chính của chuyến đi” trên bản khai chung, yêu cầu mô tả cụ thể theo mã cảng và tên cảng tương ứng.

Ví dụ:

- Cảng xếp hàng gốc: NLRTM - ROTTERDAM.
- Cảng trước: NLRTM - ROTTERDAM.
- Cảng sẽ đến: SGSIN - SINGAPORE.
- Cảng dỡ hàng: VNCMT - VUNG TAU CMIT.
- Cảng đích: VNCLI - TP HCM CATLAI.

b) Tại bản khai hàng hóa và vận đơn gom hàng:

Tiêu chí cảng giao hàng/cảng đích, cảng xếp hàng, cảng xếp hàng gốc, cảng dỡ hàng là các tiêu chí bắt buộc phải khai. Trường hợp tàu nhập cảnh chuyển cảng thì ngoài các tiêu chí bắt buộc nêu trên phải bắt buộc phải khai thêm tiêu chí cảng chuyển tải/quá cảnh.

Mã cảng được khai thống nhất, tương ứng tên cảng cụ thể trong Bảng mã đã công bố trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và trên website của Tổng cục Hải quan.

Ví dụ: VNHPN - CANG TAN VU, VNDVU - CANG DINH VU, ...

5. Kiểm tra và chấn chỉnh việc khai thông tin trên Emanifest:

a) Cục Hải quan các tỉnh, thành phố nơi làm thủ tục cho phương tiện vận tải nhập cảnh tiếp nhận và kiểm tra việc khai báo thông tin trên Emanifest theo nội dung hướng dẫn nêu trên của các Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận.

Trường hợp, các Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận không khai báo cụ thể, đầy đủ thông tin của hồ sơ hải quan của phương tiện vận tải theo quy định và trường hợp hàng hóa nhập khẩu là phế liệu không khai đúng trình tự, thứ tự, không chính xác theo hướng dẫn nêu trên thì không chấp nhận khai báo, thông báo lý do chưa tiếp nhận và yêu cầu người khai hải quan khai bổ sung thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia theo đúng quy định tại Điều 67 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ.

Trường hợp, các Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận khai báo thông tin hồ sơ hải quan không đúng thời hạn quy định tại Điều 66 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ thì không thực hiện thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải, thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định và yêu cầu Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận cung cấp và khai bổ sung thông tin theo quy định.

b) Đối với hàng hóa nhập khẩu là phế liệu, yêu cầu Cục Hải quan các tỉnh, thành phố hướng dẫn các Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận nghiêm chỉnh thực hiện việc khai báo thông tin theo nội dung trên và tiếp tục thực hiện hướng dẫn tại công văn số 13151/BTC-TCHQ ngày 26/10/2018 của Bộ Tài chính về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn từ xa, không cho phép dỡ hàng xuống cảng đối với hàng hóa là chất thải, phế liệu không đủ điều kiện nhập khẩu.

Tổng cục Hải quan thông báo để Cục Hải quan các tỉnh, thành phố kiểm tra và hướng dẫn các Hãng tàu, Đại lý hãng tàu, Công ty giao nhận nghiêm chỉnh thực hiện việc khai báo thông tin theo nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị: Vụ PC, CNTT, QLRR, ĐTCBL, KĐHQ (đề th/h);
- Lưu: VT, GSQL (3b). V





Phụ lục

TÊN PHÉ LIỆU VÀ TÊN HÀNG TƯƠNG ỨNG SỬ DỤNG ĐỂ KHAI BÁO TRÊN E-MANIFEST
(Ban hành kèm theo công văn số 6889/TCHQ-GSQL ngày ...23.../11/2018 của Tổng cục Hải quan)

| STT | Tên phế liệu | Mã HS | | | Tên hàng khai trên emanifest | |
|-----|--|-------|-----|-----|--|-------------------------|
| | | (3) | (4) | (5) | Tên tiếng Việt | Tên tiếng Anh |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Thạch cao. | 2520 | 10 | 00 | Thạch cao | Gypsum |
| 2 | Xi hạt nhỏ (xi cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép. | 2618 | 00 | 00 | Xi hạt nhỏ | Granulated slag |
| 3 | Các nguyên tố hóa học đã được kích tạt dùng trong điện tử, ở dạng đĩa, tấm mỏng, hoặc các dạng tương tự. | 3818 | 00 | 00 | Các nguyên tố hóa học đã được kích tạt | Chemical elements doped |
| 4 | Phế liệu và mẫu vụn của plastic (nhựa) từ polyme etylen (PE): Dạng xốp, không cứng. | 3915 | 10 | 10 | Nhựa phế liệu | Plastics waste |
| 5 | Phế liệu và mẫu vụn của plastic (nhựa) từ polyme etylen (PE): Loại khác. | 3915 | 10 | 90 | | |
| 6 | Phế liệu và mẫu vụn của plastic (nhựa) từ polyme styren (PS): Dạng xốp, không cứng. | 3915 | 20 | 10 | | |
| 7 | Phế liệu và mẫu vụn của plastic (nhựa) từ polyme styren (PS): Loại khác. | 3915 | 20 | 90 | | |
| 8 | Phế liệu và mảnh vụn của plastic (nhựa) từ polyme vinyl clorua (PVC): Dạng xốp, không cứng. | 3915 | 30 | 10 | | |
| 9 | Phế liệu và mảnh vụn của plastic (nhựa) từ polyme vinyl clorua (PVC): Loại khác. | 3915 | 30 | 90 | | |
| 10 | Phế liệu và mẫu vụn từ plastic (nhựa) khác. | 3915 | 90 | 00 | | |
| 11 | Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy kraft hoặc bìa kraft hoặc giấy hoặc bìa sóng, chưa tẩy trắng. | 4707 | 10 | 00 | Giấy phế liệu | Paper waste |
| 12 | Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy hoặc bìa khác được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình hóa học đã tẩy trắng, chưa nhuộm màu toàn bộ. | 4707 | 20 | 00 | | |
| 13 | Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Giấy hoặc bìa được làm chủ yếu bằng bột giấy thu được từ quá trình cơ học (ví dụ, giấy in báo, tạp chí và các ấn phẩm tương tự). | 4707 | 30 | 00 | | |
| 14 | Giấy loại hoặc bìa loại thu hồi (phế liệu và vụn thừa): Loại khác, kể cả phế liệu và vụn thừa chưa phân loại. | 4707 | 90 | 00 | | |
| 15 | Tơ tằm phế liệu (kể cả kén không thích hợp để quay tơ, xơ sợi phế liệu và xơ sợi tái chế). | 5003 | 00 | 00 | Tơ tằm phế liệu | Silk waste |

Nha

| | | | | | | |
|----|--|------|----|----|---|---|
| 16 | Thủy tinh vụn và thủy tinh phế liệu và mảnh vụn khác; thủy tinh ở dạng khối. | 7001 | 00 | 00 | Thủy tinh vụn và thủy tinh phế liệu và mảnh vụn khác; thủy tinh ở dạng khối | Cullet and other waste and scrap of glass; glass in the mass. |
| 17 | Phế liệu và mảnh vụn của gang. | 7204 | 10 | 00 | Sắt hoặc thép phế liệu | Iron or steel scrap |
| 18 | Phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim: bằng thép không gỉ. | 7204 | 21 | 00 | | |
| 19 | Phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim: Loại khác (khác với loại bằng thép không gỉ). | 7204 | 29 | 00 | | |
| 20 | Phế liệu và mảnh vụn của sắt hoặc thép tráng thiếc. | 7204 | 30 | 00 | | |
| 21 | Phế liệu và mảnh vụn khác của sắt hoặc thép: Phoi tiện, phoi bào, mảnh vỡ, vảy cán, phoi cắt và bavias, chưa được ép thành khối hay đóng thành viên, bánh, bó. | 7204 | 41 | 00 | | |
| 22 | Phế liệu và mảnh vụn khác của sắt hoặc thép: Loại khác. | 7204 | 49 | 00 | | |
| 23 | Thỏi đúc phế liệu (bằng sắt, thép, gang) nấu lại. | 7204 | 50 | 00 | | |
| 24 | Đồng phế liệu và mảnh vụn. | 7404 | 00 | 00 | | |
| 25 | Niken phế liệu và mảnh vụn. | 7503 | 00 | 00 | Niken phế liệu và mảnh vụn | Nickel waste and scrap |
| 26 | Nhôm phế liệu và mảnh vụn. | 7602 | 00 | 00 | Nhôm phế liệu và mảnh vụn | Aluminium waste and scrap |
| 27 | Kẽm phế liệu và mảnh vụn. | 7902 | 00 | 00 | Kẽm phế liệu và mảnh vụn | Zinc waste and scrap |
| 28 | Phế liệu và mảnh vụn thiếc. | 8002 | 00 | 00 | Phế liệu và mảnh vụn thiếc | Tin waste and scrap |
| 29 | Vonfram phế liệu và mảnh vụn. | 8101 | 97 | 00 | Vonfram phế liệu và mảnh vụn | Tungsten (wolfram) waste and scrap |
| 30 | Molybden phế liệu và mảnh vụn. | 8102 | 97 | 00 | Molybden phế liệu và mảnh vụn | Molybdenum waste and scrap |
| 31 | Magie phế liệu và mảnh vụn. | 8104 | 20 | 00 | Magie phế liệu và mảnh vụn | Magnesium waste and scrap |
| 32 | Titan phế liệu và mảnh vụn. | 8108 | 30 | 00 | Titan phế liệu và mảnh vụn | Titanium waste and scrap |
| 33 | Zircon phế liệu và mảnh vụn. | 8109 | 30 | 00 | Zircon phế liệu và mảnh vụn | Zirconium waste and scrap |

| | | | | | | |
|----|-------------------------------|------|----|----|------------------------------|---------------------------|
| 34 | Antimon phế liệu và mảnh vụn. | 8110 | 20 | 00 | Antimon phế liệu và mảnh vụn | Antimony waste and scrap |
| 35 | Mangan phế liệu và mảnh vụn. | 8111 | 00 | 00 | Mangan phế liệu và mảnh vụn | Manganese waste and scrap |
| 36 | Crom phế liệu và mảnh vụn. | 8112 | 22 | 00 | Crom phế liệu và mảnh vụn | Chrome waste and scrap |

Alba